

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
Y TẾ DOMESCO**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 29

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Số: 367/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2014, từ trang 3 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công Ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		715.008.433.036	543.012.665.740
I. Tiền	110		26.363.745.069	37.268.662.028
1. Tiền	111	5	26.363.745.069	37.268.662.028
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	30.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		337.821.417.971	273.973.615.222
1. Phải thu khách hàng	131		324.566.477.349	265.966.813.742
2. Trả trước cho người bán	132		5.874.683.390	2.503.353.773
3. Các khoản phải thu khác	135	7	11.882.319.549	10.394.679.060
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.502.062.317)	(4.891.231.353)
IV. Hàng tồn kho	140		311.589.706.237	220.661.977.295
1. Hàng tồn kho	141	8	311.589.706.237	220.661.977.295
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.233.563.759	11.108.411.195
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.744.382.513	3.673.902.314
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		380.514.798	2.471.983.646
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	6.108.666.448	4.962.525.235
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		301.698.058.623	304.572.101.542
I. Tài sản cố định	220		273.879.527.169	275.090.187.951
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	217.572.909.914	220.060.941.869
- Nguyên giá	222		383.632.427.554	365.273.220.638
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(166.059.517.640)	(145.212.278.769)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	51.876.330.554	38.220.456.806
- Nguyên giá	228		54.862.739.470	40.225.520.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.986.408.916)	(2.005.063.656)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	4.430.286.701	16.808.789.276
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		16.341.335.737	21.640.641.988
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	7.000.000.000	7.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	20.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	20.626.000.000	626.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(11.284.664.263)	(5.985.358.012)
4.1. Đầu tư vào công ty con	2591	13	(2.189.806.700)	-
4.2. Đầu tư dài hạn khác	2592	14	(9.094.857.563)	(5.985.358.012)
III. Tài sản dài hạn khác	260		11.477.195.717	7.841.271.603
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	6.572.629.942	2.187.065.922
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	4.904.565.775	5.654.205.681
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.016.706.491.659	847.584.767.282

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: VND



31/12/2013	31/12/2012
-	-
236.603,05	264.564,17

4

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	1.586.086.268.853	1.370.085.934.045
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	157.727.935.190	110.159.942.521
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.428.358.333.663	1.259.925.991.524
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	1.017.025.203.789	868.887.575.241
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		411.333.129.874	391.038.416.283
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	6.443.553.341	7.333.227.220
7. Chi phí tài chính	22	28	11.835.668.495	13.422.396.684
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.358.843.225	8.310.412.763
8. Chi phí bán hàng	24		166.862.275.764	140.215.537.259
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		110.004.876.363	128.657.174.156
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		129.073.862.593	116.076.535.404
11. Thu nhập khác	31		5.496.904.233	5.658.567.917
12. Chi phí khác	32		1.334.670.611	273.689.267
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.162.233.622	5.384.878.650
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		133.236.096.215	121.461.414.054
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	26.485.299.576	31.698.701.668
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	749.639.906	(1.471.310.637)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		106.001.156.733	91.234.023.023


Đoàn Thị Quyên
Người lập biểu

Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng**Huỳnh Trung Chánh**
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	133.236.096.215	121.461.414.054
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	30.155.346.541	28.546.757.527
Các khoản dự phòng	03	4.910.137.215	7.761.281.616
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(241.699.625)	(75.260.285)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.819.868.140)	(3.633.126.323)
Chi phí lãi vay	06	5.358.843.225	8.310.412.763
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	168.598.855.431	162.371.479.352
Thay đổi các khoản phải thu	09	(64.235.897.840)	(31.749.361.565)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(90.927.728.942)	(32.539.114.757)
Thay đổi các khoản phải trả	11	84.814.633.154	66.494.530.583
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.196.561.199	5.336.382.443
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.339.287.573)	(8.122.116.971)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(32.641.766.167)	(43.856.082.373)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	121.509.500	1.000.215.522
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.938.738.982)	(16.701.304.652)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	52.648.139.780	102.234.627.582
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(34.665.975.462)	(26.655.676.448)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	3.091.082.726	1.318.627.724
3. Tiền chi cho vay	23	(30.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(500.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	15.704.460.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27	5.688.055.326	574.724.487
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(55.886.837.410)	(9.557.864.237)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	199.848.018.490	169.982.629.100
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(168.506.734.745)	(221.885.230.598)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(39.007.650.725)	(65.894.543.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.666.366.980)	(117.797.144.698)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(10.905.064.610)	(25.120.381.353)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	37.268.662.028	62.388.417.823
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	147.651	625.558
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	26.363.745.069	37.268.662.028

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 2.168.128.253 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 432.323.810 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Đoàn Thị Quyên
Người lập biểu



Phạm Ngọc Tuyên
Kế toán trưởng



Huỳnh Trung Chánh
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400460395 ngày 30 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Thời gian hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 28 tháng 10 năm 2011. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY vào ngày 04 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là DMC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.262 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.335 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm-thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc; sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và phải trả dài hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc và thiết bị	2 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Phương tiện vận tải	2 - 6
Tài sản khác	3 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn, phần mềm máy tính và bằng sáng chế được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm. Bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi vốn góp thực tế của Công ty lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của công ty con hoặc công ty liên kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên tại các đơn vị này.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ. Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 6 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	2.605.770.647	3.761.456.864
Tiền gửi ngân hàng	23.757.974.422	33.507.205.164
	26.363.745.069	37.268.662.028

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng Eximbank bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn 06 tháng và hưởng lãi suất từ 7,1%/ đến 7,2% năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	3.353.553.922	3.149.053.922
Trong đó:	-	-
+ Khoản cho vay	2.900.000.000	2.900.000.000
+ Lãi cho vay	453.553.922	249.053.922
Khoản thu khác từ các bên thứ ba	8.528.765.627	7.245.625.138
	11.882.319.549	10.394.679.060

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	29.054.525.537	25.043.314.038
Nguyên liệu, vật liệu	71.642.347.469	65.890.268.241
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	38.395.007.103	8.670.663.444
Thành phẩm	103.697.756.828	72.174.607.551
Hàng hoá	68.800.069.300	48.883.124.021
	311.589.706.237	220.661.977.295

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng cho nhân viên	3.457.290.041	2.935.037.252
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.651.376.407	2.027.487.983
	6.108.666.448	4.962.525.235

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	164.185.697.378	158.995.001.237	12.924.236.093	29.168.285.930	365.273.220.638
Tăng trong năm	808.855.222	-	-	2.559.042.909	3.367.898.131
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.911.811.110	19.509.762.860	996.232.264	2.232.808.092	25.650.614.326
Thanh lý, nhượng bán	(1.158.167.600)	(34.258.744)	-	(2.625.729.104)	(3.818.155.448)
Giảm khác (*)	(11.800.000)	(2.470.341.930)	(4.359.008.163)	-	(6.841.150.093)
Tại ngày 31/12/2013	166.736.396.110	176.000.163.423	9.561.460.194	31.334.407.827	383.632.427.554
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	42.020.101.931	81.007.578.274	8.905.884.556	13.278.714.008	145.212.278.769
Khấu hao trong năm	7.634.665.890	15.437.112.944	1.574.505.558	4.527.716.889	29.174.001.281
Thanh lý, nhượng bán	(227.772.977)	(34.258.744)	-	(2.625.729.089)	(2.887.760.810)
Giảm khác (*)	(11.800.000)	(1.992.465.837)	(3.434.735.763)	-	(5.439.001.600)
Tại ngày 31/12/2013	49.415.194.844	94.417.966.637	7.045.654.351	15.180.701.808	166.059.517.640
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	117.321.201.266	81.582.196.786	2.515.805.843	16.153.706.019	217.572.909.914
Tại ngày 01/01/2013	122.165.595.447	77.987.422.963	4.018.351.537	15.889.571.922	220.060.941.869

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 66.743.178.487 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 64.912.836.330 đồng).

(*) Thể hiện việc kết chuyển những tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng nhưng vẫn còn sử dụng sang tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bảng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	38.255.718.582	289.000.000	1.680.801.880	40.225.520.462
Tăng trong kỳ	-	1.139.904.762	-	1.139.904.762
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.766.822.646	-	-	13.766.822.646
Thanh lý, nhượng bán	(269.508.400)	-	-	(269.508.400)
Tại ngày 31/12/2013	<u>51.753.032.828</u>	<u>1.428.904.762</u>	<u>1.680.801.880</u>	<u>54.862.739.470</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	1.076.544.750	9.633.333	918.885.573	2.005.063.656
Khấu hao trong kỳ	575.892.758	212.250.794	193.201.708	981.345.260
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.652.437.508</u>	<u>221.884.127</u>	<u>1.112.087.281</u>	<u>2.986.408.916</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	<u>50.100.595.320</u>	<u>1.207.020.635</u>	<u>568.714.599</u>	<u>51.876.330.554</u>
Tại ngày 01/01/2013	<u>37.179.173.832</u>	<u>279.366.667</u>	<u>761.916.307</u>	<u>38.220.456.806</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 697.218.128 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 0 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công trình KCN Cần Lố: Chi phí san lấp, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật	183.341.818	183.341.818
Tổng kho II - Tân Tạo	-	14.039.714.745
+ Quyền sử dụng đất	-	12.929.673.517
+ Chi phí san lấp, xây dựng, công trình phụ	-	1.110.041.228
Nhà máy SX thuốc viên-cốm-bột	246.901.546	246.901.546
Nhà máy bao bì sạch	370.140.909	-
Khu bảo tồn, nuôi, trồng dược liệu ở Tri Tôn	245.962.287	184.598.651
Nhà máy nước tinh khiết Cần Lố	146.591.576	146.591.576
Nhà máy sản xuất thuốc Nonbetalactam	235.249.091	235.249.091
Máy móc, thiết bị	2.862.803.599	-
Công trình hồ chứa nước và đài nước - hạ tầng kinh tế cụm công nghiệp dược	86.576.730	-
Công trình nhà ăn công đoàn - Cụm Cần Lố	-	106.916.520
Hệ thống xử lý nước thải - Trụ sở công ty	-	979.591.500
Công Trình Nhà Lò Hơi - Cụm CN Dược Cần Lố	52.719.145	-
Khác	-	685.883.829
	<u>4.430.286.701</u>	<u>16.808.789.276</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm	Hoạt động chính
			giữ %	
Công ty TNHH DOMENOL	Đồng Tháp	70	70	Sản xuất và kinh doanh công nghiệp

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Domenol (“Công ty con”), một công ty trách nhiệm hữu hạn có số vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng và được thành lập ở tỉnh Đồng Tháp. Số vốn góp của Công ty là 7.000.000.000 đồng chiếm tỉ lệ 70% quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này và lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty con này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) ngày 26 tháng 7 năm 2013 về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Chi tiết số vốn đã góp vào công ty con và khoản dự phòng đã trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Số tiền góp vốn	7.000.000.000	7.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	(2.189.806.700)	-
	4.810.193.300	7.000.000.000

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang	626.000.000	626.000.000
Công ty CP Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường (*)	20.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(9.094.857.563)	(5.985.358.012)
	11.531.142.437	(5.359.358.012)

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700811591 ngày 14 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường đã tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng. Do đó, Công ty nắm giữ 1.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần tương ứng với số tiền là 20 tỷ đồng và chiếm tỉ lệ 6,67% quyền sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: chiếm tỉ lệ 20% quyền sở hữu) tại Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường. Vì vậy khoản đầu tư vào công ty liên kết tại Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chuyển thành đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường theo Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) ngày 26 tháng 7 năm 2013 về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ	4.288.213.664	303.911.549
Chi phí thuê cửa hàng, văn phòng	1.065.529.243	309.000.004
Chi phí sửa chữa	1.218.887.035	1.574.154.369
	<u>6.572.629.942</u>	<u>2.187.065.922</u>

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước.

	Chi phí phải trả <u>VND</u>	Dự phòng trợ cấp mất việc làm <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2012	4.118.822.580	64.072.463	4.182.895.043
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	<u>1.535.383.101</u>	<u>(64.072.463)</u>	<u>1.471.310.638</u>
Tại ngày 01/01/2013	5.654.205.681	-	5.654.205.681
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	<u>(749.639.906)</u>	<u>-</u>	<u>(749.639.906)</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>4.904.565.775</u>	<u>-</u>	<u>4.904.565.775</u>

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	84.071.960.025	13.653.080.000
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	13.380.000.000	24.987.384.859
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	11.309.009.749	-
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	-	29.119.819.470
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	7.008.000.000
	<u>108.760.969.774</u>	<u>74.768.284.329</u>

Số dư của khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là các khoản vay tín chấp từ các ngân hàng thương mại trong thời hạn từ 3 đến 6 tháng với lãi suất từ 6% đến 7% hàng năm cho khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	154.403.110	5.556.294.651
Thuế tiêu thụ đặc biệt	58.365.098	3.613.271
Thuế xuất, nhập khẩu	166.699.801	468.569.612
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.663.312.488	13.922.598.423
Thuế thu nhập cá nhân	1.182.484.318	1.211.034.125
Thuế tài nguyên	167.188	7.483.308
Các loại thuế khác	152.653.525	549.727.294
	10.378.085.528	21.719.320.684

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hoa hồng bán hàng	25.197.429.011	28.645.726.994
Chi phí trích trước khác	374.735.000	4.563.062.761
Lãi vay trích trước	207.851.444	188.295.792
	25.780.015.455	33.397.085.547

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	3.957.684.105	4.343.321.390
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.267.816.740	3.475.593.925
Phần còn lại của khoản trích 2% lợi nhuận sau thuế	1.034.804.601	1.986.713.277
Sở Y Tế Lâm Đồng / Chuyển nhằm tài khoản	302.947.785	302.947.785
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	288.160.269	-
Thù lao Hội đồng quản trị	285.490.000	-
Cổ tức	219.559.375	46.670.900
Phải trả phải nộp khác	122.265.160	675.810.318
Bảo hiểm xã hội tỉnh (chi hộ tiền ốm đau, thai sản)	19.389.600	-
Đại học Y Dược	6.000.000	6.000.000
Sở KHCN Đồng Tháp - Đề tài Enzyme từ đậu nành	5.044.300	61.624.523
Sở Khoa học Công nghệ Đồng Tháp / Phần kinh phí còn lại của Dự án nấm Thái Dương	714.999	-
	8.509.876.934	10.898.682.118

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần được phép phát hành	17.809.336	17.809.336
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	17.809.336	17.809.336
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn cổ phần thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2012		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2012
	Cổ phiếu	%	VND
CFR International Spa	8.181.020	45,94	81.810.200.000
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	6.181.778	34,71	61.817.780.000
Cổ đông khác	3.446.538	19,35	34.465.380.000
	17.809.336	100,00	178.093.360.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	178.093.360.000	229.515.239.894	79.760.512.313	17.809.336.000	60.610.393.638	565.788.841.845
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	91.234.023.023	91.234.023.023
Trích thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(350.724.000)	(350.724.000)
Phân phối quỹ	-	-	26.185.550.051	-	(26.185.550.051)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(13.785.192.221)	(13.785.192.221)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(65.894.543.200)	(65.894.543.200)
Chi đào tạo	-	-	(3.099.523.258)	-	-	(3.099.523.258)
Chi khác	-	-	-	-	(1.602.066.735)	(1.602.066.735)
Số dư tại ngày 01/01/2013	178.093.360.000	229.515.239.894	102.846.539.106	17.809.336.000	44.026.340.454	572.290.815.454
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	106.001.156.733	106.001.156.733
Phân phối quỹ	-	-	36.591.667.446	-	(36.591.667.446)	-
Hoàn nhập lợi nhuận sau thuế	-	-	(9.466.965.927)	-	9.466.965.927	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.435.103.747)	(7.435.103.747)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(39.180.539.200)	(39.180.539.200)
Trích thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tặng khác	-	-	117.660.000	-	-	117.660.000
Chi khác	-	-	(790.362.310)	-	-	(790.362.310)
Số dư tại ngày 31/12/2013	178.093.360.000	229.515.239.894	129.298.538.315	17.809.336.000	73.787.152.721	628.503.626.930

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 12/NQ-ĐHCĐ-DMC thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2013 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012, cụ thể:

- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi là 13.685.103.453 đồng (tạm trích trong năm 2012 là 11.750.000.000 đồng)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển là 35.868.380.370 đồng.
- Thù lao Hội đồng Quản trị và thù lao Ban Kiểm soát là 2.500.000.000 đồng.
- Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 39.180.539.200 đồng (cổ tức của năm 2012 tạm chi trả trong năm 2012 là 26.714.004.000 đồng). Trong đó, số cổ tức mà thực tế chi trả bằng tiền mặt là 39.007.650.725 đồng và số cổ tức còn lại chưa chi trả đang ghi nhận ở các khoản phải trả khác.

Theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 24 tháng 10 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định tạm chia cổ tức đợt 1 của năm 2013 với tỷ lệ 15% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 26.714.004.000 đồng và Công ty đã tiến hành chi trả đủ số cổ tức nêu trên trong năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định hoàn nhập số tiền là 9.466.965.927 đồng từ Quỹ Đầu tư và phát triển theo Quyết định ngày 30 tháng 6 năm 2013 để bù đắp cho phần lợi nhuận chênh lệch do trình bày lại số liệu kiểm toán của báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán nguyên vật liệu dùng để chế biến dược phẩm và các loại dược phẩm do Công ty sản xuất ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do xuất bán hàng hóa trong nội địa trong khi tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và các niên độ kế toán trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu sản xuất thuốc	1.165.848.154.685	1.004.114.711.831
Doanh thu bán hàng hóa	408.627.006.533	356.994.897.939
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.196.308.463	5.460.542.533
Doanh thu sản xuất nước tinh khiết	4.062.019.825	3.330.277.022
Doanh thu sản xuất rượu	352.779.347	185.504.720
	<u>1.586.086.268.853</u>	<u>1.370.085.934.045</u>

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu thương mại	153.512.120.361	107.273.847.445
Hàng bán bị trả lại	4.102.555.157	2.804.387.399
Thuế tiêu thụ đặc biệt	113.259.672	81.707.677
	<u>157.727.935.190</u>	<u>110.159.942.521</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán hàng hóa	378.811.368.022	320.808.658.611
Giá vốn sản xuất thuốc	635.571.228.370	545.921.826.154
Giá vốn sản xuất nước tinh khiết	2.448.290.637	1.951.836.651
Giá vốn sản xuất rượu	194.316.760	205.253.825
	<u>1.017.025.203.789</u>	<u>868.887.575.241</u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	945.617.543.662	534.042.724.051
Chi phí nhân công	139.005.093.853	67.041.151.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.155.346.541	28.546.757.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.685.839.444	163.093.462.060
Chi phí khác	33.428.532.416	35.536.546.944
	<u>1.293.892.355.916</u>	<u>828.260.642.294</u>

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	1.644.185.414	551.224.487
Chiết khấu mua hàng	4.043.869.912	3.375.538.214
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	429.198.390	1.243.485.569
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	241.699.625	75.260.285
Cổ tức, lợi nhuận được chia	84.600.000	23.500.000
Lãi bán chứng khoán	-	2.046.480.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	17.738.665
	<u>6.443.553.341</u>	<u>7.333.227.220</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	5.358.843.225	8.310.412.763
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	5.299.306.251	5.000.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.176.814.090	23.581.198
Chi phí tài chính khác	704.929	9.164.475
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	79.238.248
	<u>11.835.668.495</u>	<u>13.422.396.684</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Hoạt động chính VND	Hoạt động khác VND	2013 VND	2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	148.442.878.207	(15.206.781.992)	133.236.096.215	121.461.414.054
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế				
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(84.600.000)	(84.600.000)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	(724.998.336)	-	(724.998.336)	37.032.094.287
Thu nhập chịu thuế	147.717.879.871	(15.291.381.992)	132.426.497.879	158.493.508.341
Cán trừ với lỗ từ hoạt động khác	(15.291.381.992)	15.291.381.992	-	-
Thu nhập chịu thuế sau cán trừ	132.426.497.879	-	132.426.497.879	158.493.508.341
Thuế suất thông thường	20%	25%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.485.299.576	-	26.485.299.576	31.698.701.668

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 cho hoạt động sản xuất thuốc. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế với thuế suất 25% cho các hoạt động kinh doanh khác.

Trong năm tính thuế năm 2013, hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế có thu nhập chịu thuế và hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi thuế bị lỗ nên doanh nghiệp đã bù trừ số lỗ của hoạt động kinh doanh khác với số tiền là 15.291.381.992 đồng vào thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.596.593.573	1.408.361.083

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	2013 VND	2012 VND
Trong vòng một năm	686.400.000	935.106.836
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	719.300.000	1.026.332.999
	1.405.700.000	1.961.439.835

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng và nhà thuốc cho các đại lý bán hàng. Các hợp đồng thuê khác được ký kết từ 6 tháng đến 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	108.760.969.774	77.419.686.029
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	26.363.745.069	37.268.662.028
Nợ thuần	82.397.224.705	40.151.024.001
Vốn chủ sở hữu	628.503.626.930	572.290.815.454
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,13</u>	<u>0,07</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	26.363.745.069	37.268.662.028
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	331.946.734.581	271.470.261.449
Các khoản ký quỹ	2.651.376.407	2.027.487.983
Đầu tư dài hạn khác	20.626.000.000	626.000.000
Tổng cộng	<u>411.587.856.057</u>	<u>311.392.411.460</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	108.760.969.774	77.419.686.029
Phải trả người bán và phải trả khác	194.291.995.038	109.080.723.388
Chi phí phải trả	25.780.015.455	33.397.085.547
Phải trả dài hạn khác	2.222.779.829	1.943.936.113
Tổng cộng	<u>331.055.760.096</u>	<u>221.841.431.077</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	4.982.610.336	5.518.808.586	87.761.544.922	111.283.162.262
Euro (EUR)	-	-	12.083.391.414	11.729.226.778

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	4.138.946.729	5.288.217.684
Đồng Euro (EUR)	-	586.461.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

301
CH
C
ÁCH
DE
VI
1-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền	26.363.745.069	-	26.363.745.069
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	331.946.734.581	-	331.946.734.581
Các khoản ký quỹ	2.651.376.407	-	2.651.376.407
Đầu tư dài hạn khác	-	20.626.000.000	20.626.000.000
Tổng cộng	390.961.856.057	20.626.000.000	411.587.856.057
Tại ngày 31/12/2013			
Các khoản vay	108.760.969.774	-	108.760.969.774
Phải trả người bán và phải trả khác	194.291.995.038	-	194.291.995.038
Chi phí phải trả	25.780.015.455	-	25.780.015.455
Phải trả dài hạn khác	-	2.222.779.829	2.222.779.829
Tổng cộng	328.832.980.267	2.222.779.829	331.055.760.096
Chênh lệch thanh khoản thuần	62.128.875.790	18.403.220.171	80.532.095.961
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.268.662.028	-	37.268.662.028
Phải thu khách hàng và phải thu khác	271.470.261.449	-	271.470.261.449
Các khoản ký quỹ	2.027.487.983	-	2.027.487.983
Đầu tư dài hạn khác	-	626.000.000	626.000.000
Tổng cộng	310.766.411.460	626.000.000	311.392.411.460
Tại ngày 31/12/2012			
Các khoản vay	74.768.284.329	2.651.401.700	77.419.686.029
Phải trả người bán và phải trả khác	109.080.723.388	-	109.080.723.388
Chi phí phải trả	33.397.085.547	-	33.397.085.547
Phải trả dài hạn khác	-	1.943.936.113	1.943.936.113
Tổng cộng	217.246.093.264	4.595.337.813	221.841.431.077
Chênh lệch thanh khoản thuần	93.520.318.196	(3.969.337.813)	89.550.980.383

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	2013 VND	2012 VND
Công ty TNHH Domenol		
Góp vốn	-	500.000.000
Thoái vốn	-	2.000.000.000
Thanh toán cho chi phí hoạt động	-	32.255.000
Mua hàng	2.609.565.000	1.850.974.000
Vay	-	2.900.000.000
Lãi vay	204.500.000	114.878.954
Hàng bán trả lại	-	8.910.000

Công ty Cổ phần Y dược Domedic

Thoái vốn	-	13.750.200.000
Hoàn trả tiền vay	-	11.000.000.000

Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường

Mua hàng	266.330.500	57.041.834
----------	-------------	------------

Công ty TNHH CFR International Spa

Mua hàng	46.690.947.341	-
----------	----------------	---

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vốn góp		
Công ty TNHH Domenol	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	-	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	-
Phải thu khác		
Công ty TNHH Domenol	453.553.922	204.053.922
Ứng trước		
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	360.000.000
Phải trả		
Công ty TNHH Domenol	14.850.000	-
Công ty cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	30.101.500	-
Công ty TNHH CFR International Spa	43.791.365.587	-
Vay		
Công ty TNHH Domenol	2.900.000.000	900.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	4.051.908.558	3.351.026.751

33. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 17 tháng 3 năm 2014.

Đoàn Thị Quyên
Người lập biểu

Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng

Huỳnh Trung Chánh
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2014